

Giai thoại về thủy danh ở miền Tây Nam Bộ - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ VĂN HÓA DÂN GIAN

TRẦN MINH THƯƠNG

1. Đặt vấn đề

Giai thoại - thể loại độc đáo của văn học dân gian

Trong nhiều công trình nghiên cứu dân gian đã công bố, giai thoại không có mặt với tư cách là một thể loại của văn học dân gian. Tuy vậy, *Từ điển thuật ngữ văn học* vẫn xác định: "Giai thoại là một thể loại truyện kể ngắn gọn về một tình tiết có thực hoặc thêu dệt của những nhân vật được nhiều người biết đến"⁽¹⁾.

Còn *Từ điển văn học* (bộ mới) cho rằng: "Giai thoại là một chuyện kể truyền miệng, lưu hành chủ yếu trong giới nhà văn và lớp công chúng ưa thích thơ văn (...) Thuật ngữ giai thoại mượn từ Trung Hoa (thoại: truyện kể; giai: đẹp, hay, thú vị). Mỗi giai thoại là một chuyện kể ngắn gọn, lý thú, xoay quanh những nhân vật có thực thường là những danh nhân". Kiều Thu Hoạch trong bài viết "Xác định thể loại giai thoại", sau khi phân tích những đặc trưng của thể loại này đã đi đến kết luận: "Giai thoại văn học - ngoài những đặc trưng chung của loại hình tự sự folklore, như tính hư cấu, tính phiếm chỉ... giai thoại văn học còn có một số đặc trưng thể loại cơ bản bao gồm: tính lý thú/ tính đối thoại/ tính kịch/ tính chơi chữ"⁽²⁾.

Chúng tôi bổ sung thêm rằng: Giai thoại là những câu chuyện có tình tiết được dân gian lưu truyền, nhân vật trong giai thoại là những con người có tên họ thật hoặc phiếm chỉ, hư cấu. Nhiều giai thoại đã được các nhà nghiên cứu ghi chép lại trong một số công trình của mình, có điều họ không ghi rõ nguồn gốc xuất xứ.

Sông rạch miền Tây Nam Bộ

Đồng bằng sông Cửu Long ở về cực nam của Việt Nam, còn được gọi là miền Tây Nam Bộ hoặc theo nói theo ngôn ngữ dân gian của người dân miệt này một cách ngắn gọn là miền Tây. Về đơn vị hành chính, vùng này có một thành phố trực thuộc trung ương là thành phố Cần Thơ và 12 tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến

Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau.

Từ thượng nguồn Tân Châu (An Giang), sông Mê Kông vào miền đất này được gọi là sông Cửu Long, chia đôi dòng nước thành sông Tiền và sông Hậu. Từ đó sản sinh vô số sông rạch tỏa khắp đồng bằng, cùng hệ thống kinh đào nối những tuyến đường thủy nhộn nhịp. Theo thống kê chưa đầy đủ, miền Tây Nam Bộ có khoảng 54.000 km chiều dài sông rạch. Ngoài hệ thống sông rạch tự nhiên mà người địa phương gọi là sông rạch "trời sanh", ở đây còn có vô số những con kinh đào ngang, xẻ dọc chằng chịt, mà nếu nhìn trên đồ hình, người ta có cảm tưởng là những bàn cờ chồng lên nhau, với hàng trăm cù lao, hàng chục cửa sông đưa nước ra biển tạo thuận lợi cho cuộc sống của người dân nơi đây. Chính đặc điểm này mà từ lâu, nhiều nhà nghiên cứu đã gọi miền đất này là "xứ sở kênh rạch", "văn minh kênh rạch".

2. Những giai thoại liên quan đến tên gọi của sông, rạch ở miền Tây Nam Bộ

Liên quan đến tên gọi các dòng sông, các con rạch, dân gian miền Tây Nam Bộ còn lưu truyền nhiều giai thoại để giải thích nguồn gốc của nó. Dựa vào các thành tố của thủy danh chúng tôi phân thành những tiểu loại cơ bản sau đây.

Những thủy danh liên quan đến giai thoại về động vật hoặc đặc điểm sinh hoạt của con người trên sông rạch

Hàng trăm con sông, con rạch hay dòng kinh ở xứ này có tên gọi liên quan đến động vật hay những đặc tính gắn với nó. Chúng tôi trích dẫn một số giai thoại để minh họa cho nhận định này.

Nơi Rạch Bù Mất của xứ rừng Cà Mau, người ta còn kể cho nhau nghe câu chuyện: Ngày trước có hai người đi ghe qua khu vực này. Trời tối, họ dùng chèo, neo đậu ghe chuẩn bị ăn cơm. Hai cái trứng vịt mới luộc, lột vỏ xong

mới quay qua quay lại đã thấy bù mắt đeo đen bên ngoài. Họ phải đem rửa rồi giăng mùng mà ăn. Dựa vào đặc điểm đó, mà tên con vật nhỏ xíu nhưng sống bằng cách hút máu người và động vật đã đi vào thủy danh dân gian.

Con sông Nhu Gia ở huyện Mỹ Xuyên - Sóc Trăng gắn với nhiều giai thoại giải thích nguồn gốc tên gọi của nó. Có giai thoại kể rằng: vị Tà thần người Khmer đang đêm làm phép đem một gia đình nọ (có người kể là nhóm thợ) đi qua xứ khác. Vị thần nọ buộc mọi người phải nhắm mắt lại trong khi ông thực hiện. Nhưng có một người thiếu lòng tin, tò mò muốn xem vị thần kia làm những gì nên hé mắt nhìn mới biết cả gia đình đang ngồi trong chiếc thuyền nhỏ bay lơ lửng trên mây. Vì hoảng sợ, người ấy buột miệng hét to, nên phép thuật bị phá đi, chiếc thuyền đột ngột rơi xuống mắc vào ngọn cây cổ thụ. Người đời sau gọi nơi đây là *Sampu Thley* (chiếc thuyền lủng) đọc trại thành Nhu Gia (Giu Gia). Cũng cùng sự tích này, ở Long An có giai thoại giải thích địa danh Tầm Vu cũng giống như vậy, nhưng phần cuối câu chuyện nói rằng chiếc thuyền mắc trên ngọn núi và đọc trại thành Tầm Vu⁽³⁾. Danh từ riêng Tầm Vu cũng được dân gian dùng để gọi địa danh trên đường từ Vĩnh Tường (Long Mỹ) đi Cái Tắc (Phụng Hiệp), nơi đây từng ghi nhận quân dân ta thắng giặc Pháp và thu khẩu pháo 105 ly đầu tiên ở miền Tây Nam Bộ.

Nhà nghiên cứu Đào Văn Hội cho rằng Nhu Gia bắt nguồn từ cách gọi khác của người Khmer là "*Ompu yea*" tức là "nhánh bần gie", bởi vì tại con sông này, cặp hai bên bờ có hàng bần chen nhau mọc dày đặc. Có những cây bần cổ thụ rất lớn bị nghiêng ra sông làm cho cảnh quan thiên nhiên càng trở nên thơ mộng như bức tranh sơn thủy của tạo hóa. Chính vì vậy người Khmer gọi "*Ompu yéai*"; nhánh bần gie đọc trại thành Giu Gia, Nhu Gia.

Có một cách giải thích khác, người ta kể với nhau rằng khi vùng đất Sóc Trăng chưa được khai phá, những lưu dân từ Thuận - Quảng đi vào vùng đất mới để sinh cơ lập nghiệp. Họ chọn nơi đây làm điểm dừng chân bởi có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc mưu sinh. Sau ngày lao động cật lực, những buổi chiều về họ lại đắm chìm trong nỗi nhớ quê hương. Để tưởng nhớ về quê hương họ đặt tên con sông này là Vu Gia nhưng bởi do cách phát âm của người

địa phương nên từ Vu Gia biến thành Giu Gia, Nhu Gia, Nho Gia.

Cái Răng là nơi đất tốt, đông dân cư, được lập làng từ thời Minh Mạng. Khoảng 1889 - 1890, người Pháp cho đào tại đây một con kênh, lúc đầu chưa có tên sau đó đặt là Cái Răng. Lý giải về thủy danh này, học giả Vương Hồng Sên lý giải: truy nguyên ra, trong sách Pháp, Le Cisbassac chẳng hạn, và nhiều sách khác đã có từ lâu vẫn ghi: "Krôk kran: rạch Cái Răng, nay cứ lấy điển này làm chắc, một đăng khác hỏi thăm người cổ cựu bản xứ thuật rằng ngày xưa, không biết từ đời nào, nguyên người Thổ (Cơ Me) ở Xà Tôn (Tri Tôn) chuyên làm nôi đất và "karan" chất đầy mui ghe lớn rồi thả theo sông cái đến đậu ghe nơi chỗ này để bán, năm này qua năm nọ, chầy ngày người mình phát âm "karan" biến ra "Cái Răng" rồi trở nên địa danh thiết thọ của chỗ này luôn"⁽⁴⁾.

Cuối cùng chúng tôi dẫn thêm câu chuyện liên quan đến Vàm Tấn và dòng sông Đại Ngãi ở Sóc Trăng. Theo giai thoại thì vào khoảng những năm đầu thế kỷ XIX, Đại Ngãi là nơi triều đình nhà Nguyễn đặt làm trạm quân cảng vừa trấn thủ về mặt quân sự, vừa là nơi thu thuế các tàu buôn. Thời đó, các tàu buôn từ Trung Quốc, Singapore, Thái Lan, đến đây để mua bán trao đổi các thương phẩm của địa phương như lúa gạo, bông vải, khô, cá, nước mắm, ngà voi, lông chim. Các tàu thuyền đều phải cập bến vào quân cảng, sau khi được khám xét xong mới được phép đi vào nội địa Sóc Trăng. Những tàu buôn nào bị nghi ngờ là "hải tặc" đều bị xử phạt bằng roi (tấn). Dần dần về sau, trừ số thương buôn Trung Quốc, số còn lại đều phải chịu hình phạt này, nên gây sự bất bình trong giới thương buôn và họ đặt tên là Vàm Tấn, do dịch từ chữ Khmer Vàm: "*Peám*", Tấn: "*Senn*".

Vương Hồng Sên giải thích rằng cũng bắt nguồn từ "*Peam*" nhưng "*Senn*" là cúng tế tức là nơi cúng nạp (hối lộ) cho các quan lại trấn thủ nơi đây. Nhưng tư liệu của Pháp cho rằng Vàm Tấn bắt nguồn từ chữ Peam Mé Sên. Tên của công chúa Vương quốc Lào Mé Sên cùng chị Mé Chanh đã có thời gian sinh sống ở vùng đất này (?) người dân địa phương vì tôn kính nên lấy tên Mé Sên đặt cho cửa sông Đại Ngãi và Mé Chanh được Việt hóa thành Mỹ Thanh - tên một cửa sông lớn của con sông Cù Cờ ngày nay.

Những thủy danh liên quan đến những giai thoại về con người

Những giai thoại liên quan đến con người và thủy danh chiếm số lượng lớn. Có lẽ tên đất, tên sông gắn liền với người khai phá hoặc để lại dấu ấn. Từ đó, dân gian lưu lại bằng những tên gọi cho mỗi dòng nước chảy qua vùng đất quê hương xứ sở.

Sông Ông Đốc bắt nguồn từ ngã ba Cái Tàu - Sông Trẹm chảy về hướng Tây ngang qua nhiều làng xóm đã được định cư lâu đời: Xóm Sở, Cán Dù, Nông Kê, Ông Tự, Tham Trơi và đổ ra cửa Ông Đốc ở phía Vịnh Thái Lan. Hai bên hữu ngạn và tả ngạn có nhiều sông rạch nhỏ: rạch Cái Tàu, Rạch Giếng, Rạch Cui, Rạch Ráng, Rạch Vọp.

Thủy danh Ông Đốc cũng xuất phát từ giai thoại liên quan đến Nguyễn Ánh cùng đoàn tùy tùng chạy về phương Nam. Một hôm, đoàn thuyền ngự vừa đi khỏi vàm Rạch Cui một quãng thì quân Tây Sơn đuổi tới. Trong lúc ngàn cân treo sợi tóc, Đô đốc Thủy binh Nguyễn Văn Vàng ở trong đoàn tùy tùng bèn tâu với vua xin cỡi hoàng bào cho ông mặc để ở lại cản trở và đánh lạc hướng quân giặc. Nhờ vậy, Nguyễn Ánh thoát lên bờ và trốn lên rừng Khánh Bình. Còn Đô đốc Vàng thì bị quân Tây Sơn giết chết, thân chìm xuống sông sâu. Cảm phục trước sự hy sinh cứu chúa của Đô đốc Vàng, người dân ở đây gọi con sông này là sông Đốc Vàng để tưởng nhớ vị Đô đốc Thủy binh đã tận trung. Dần dần, cái tên gọi sông Ông Đốc trở nên quen thuộc với người Cà Mau, có khi dân gian gọi tắt thành Sông Đốc.

Gắn với tên gọi Rạch Tham Tướng ở Càn Thơ, dân gian truyền rằng: vào cuối thế kỷ XVIII, chúa Nguyễn Phúc Thuần dùng đóng ở Bến Nghé. Mạc Thiên Tứ đem các con từ Trấn Giang đến ra mắt. Chúa khen và ủy lạo, gia thăng làm Đô đốc Quận công, cho con là Mạc Tử Duyên làm tham tướng Cai Cơ, sai về đạo Trấn Giang đóng giữ. Khi chúa Nguyễn bị quân Tây Sơn truy bắt, chúa Nguyễn chạy đến vùng Trấn Giang. Mạc Thiên Tứ phụng giá đưa chúa đi trước, giao tham tướng Mạc Tử Duyên ở lại cản bước tiến thần tốc của quân Tây Sơn. Tham tướng Mạc Tử Duyên không đủ sức để cản được sức mạnh của quân Tây Sơn nên cả đoàn quân rút chạy vào đoạn sông hẹp (nay là rạch Tham Tướng) đốn cây, chặt

gỗ mà lấp bít đường nước, cản bước tiến của quân Tây Sơn. Cuối cùng vị tham tướng hy sinh để đoàn quân chạy thoát. Nhớ công ơn đó, người dân lấy chức danh của ông đặt tên cho vùng đất này. Cũng có người kể tên vị tham tướng đó là Mạc Tử Sanh cháu nội của Tổng binh trấn Hà Tiên: Mạc Cửu⁽⁵⁾.

Theo mô típ quen thuộc, một lần thuyền chúa đang ở giữa dòng kinh mà lúc đó chưa có tên gọi, Nguyễn Ánh ốm nặng. Sợ không qua khỏi, nhà vua trần trời với ba quân rằng: *Con bệnh ngặt nghèo của trăm lương y không chữa hết. Chắc trăm phải băng rồi. Thương cho việc phục quốc không thành! Đáng buồn thay!*

Nhưng sau đó, vua được các lương y hết lòng cứu chữa nên qua khỏi. Dân gian truyền lại câu chuyện vừa kể và nhắc lại lời vua ngày ấy: Trăm chắc băng! Cuối cùng Chắc Băng đã trở thành một địa danh ở Vĩnh Thuận, Kiên Giang (ngày nay).

Thời Minh Mạng, tổng trấn Lê Văn Duyệt huy động gần hai vạn dân của hai trấn Phiên An và Định Tường đào một con kinh từ vàm Thủ Đoàn đến Gò Liều thuộc thôn Bình Ảnh dài 1.220 trượng, rộng 9 trượng, sâu một trượng. Xong, đặt tên là Lợi Tế nhưng thường dân gian vẫn gọi là kinh Thủ Đoàn hay kinh Tà Cú (Trà cú), sau hết gọi là kinh Thủ Thừa. Tên gọi này gắn liền với câu chuyện về ông Mai Tự Thừa. Là người miền ngoài đến lập nghiệp, nhờ cần cù lao động, siêng năng phá rừng làm ruộng, chẳng bao lâu, ông trở nên khá giả. Nhiều người khác theo gương ông, thấy đây là chỗ giáp nước - giống như Ba Cùm trên sông chợ Đệm - để làm ăn mua bán, đến tụ họp ngày một đông đúc. Ông bỏ tiền ra lập một ngôi chợ. Thấy ông là người có uy tín trong vùng nên trong thời Lê Văn Duyệt còn là tổng trấn Gia Định thành, ông được cử giữ chức thủ ngự - trông coi việc Thủ Thừa thuế - do vậy, dân chúng gọi ông là Thủ Thừa.

Giai thoại kể rằng lúc Lê Văn Khôi nổi dậy chiếm thành Phiên An (Gia Định) có giấy triệu các hào phú khắp nơi về giúp sức chống lại Minh Mạng, trong đó có thủ ngự Mai Tự Thừa. Thế là ông từ già vợ con làng xóm lên đường đến thành Phiên An giúp sức. Sau khi Minh Mạng diệt được Lê Văn Khôi, chiếm lại thành Phiên An, không thấy thủ ngự Mai Tự Thừa trở về quê quán. Mọi người cho rằng ông đã hy

sinh trong thành hoặc đã bị giết và chém chung ở "mả ngục", nên lấy ngày ông ra đi làm ngày giỗ. Để ghi nhớ công lao của ông, dân chúng gọi chợ ông mở là chợ Thủ Thừa, con kinh chảy ngang qua cũng mang tên gọi đó⁽⁶⁾.

Cũng có khi, tên gọi con kinh mang tên người theo cách gọi đại khái của dân gian. Dù vậy, câu chuyện đó vẫn còn truyền để lý giải. Người bình dân đã dùng danh từ chung chuyển hóa thành danh từ riêng, như khi gọi tên kinh Bà Đàm. Đây là con kinh nối liền Rạch Giá với thành phố Cần Thơ ra sông Hậu, dài 14 cây số ngàn, đào năm 1894 - 1895. Sở dĩ gọi là kinh Bà Đàm vì lúc đào kinh, các đốc công Pháp đem theo gia đình sống trên một cái nhà bè, chiều chiều một bà đàm thường ra đứng xem công nhân làm việc⁽⁷⁾.

3. Những giai thoại liên quan đến thủy danh nhìn từ góc độ văn hóa dân gian

Tính dân gian của những giai thoại liên quan đến thủy danh

Tính truyền miệng

Như ở phần đầu, chúng tôi đã xác định giai thoại là những câu chuyện được kể lại, do đó những giai thoại giải thích thủy danh cũng mang đầy đủ những đặc tính của văn học dân gian. Cụ thể là nó được truyền miệng người này kể, người khác nghe rồi lưu truyền từ đời này sang đời khác, từ vùng này qua vùng nọ. Chúng tôi làm sáng tỏ điều này qua hệ thống mô típ của các giai thoại. Mô típ giai thoại gắn với thời Gia Long bốn tẩu mở đầu là hình ảnh thuyền chúa bốn ba trên sông để tránh quân Tây Sơn đuổi phía sau, trong tình cảnh hiểm nghèo đó sẽ được động vật, con người điếm báo để chúa biết mà tránh. Nhớ đến sự kiện đó, dân gian dùng để đặt tên sông.

Mô típ nổi bật thứ hai là vùng đất hoang chưa có người ở, một nhân vật nào đó đến đây đào kinh, mở chợ lập làng. Nhân dân tưởng nhớ, dùng tên người đó để gọi tên sông, rạch.

Hay như giai thoại sau đây: Ngày xưa tại bờ biển tỉnh Trà Vinh có con rạch nhỏ đổ ra biển nay gọi là vàm Khâu Lầu. Đây là nơi trú ngụ lý tưởng khi biển động cho các loại ghe đánh cá, ghe buôn khi đi qua vùng này. Năm đó, một chiếc tàu buôn bị hồng buồm ngoài biển trời tập vào đây và mắc cạn. Chứa buồm xong, chiếc tàu cố vùng vẫy nhưng vẫn bị sóng

đánh, cát lấp vùi. Cuối cùng, chiếc tàu kia bị kẹt cứng dưới một cồn cát nhỏ. Chủ tàu từ bỏ chủ quyền đối với con tàu và đi đâu mất. Người đi đánh cá ven biển gọi cồn cát này là Cồn Tàu để phân biệt với những cồn cát khác. Lâu ngày, ở Cồn Tàu cây mọc thành rừng, chim thú về sinh sống. Sau đó người đi biển cũng ghé vào đây tá túc qua ngày khi gặp biển động. Thấy vùng đất bình yên, người ta cất nhà ở lại sinh sống lâu dài.

Mô típ đó còn gặp ở giai thoại gắn liền với các con kinh mang tên Xáng Chìm, Xáng Nổ.

Những dị bản và những bản sai

Do truyền miệng nên hiện tượng xuất hiện nhiều dị bản là một đặc trưng của giai thoại dân gian gắn với thủy danh.

Chẳng hạn, sông Vàm Cỏ tuy ngắn nhưng có đến 3 tên gọi. Ngoài tên gọi Vàm Cỏ ra, đoạn gần ngã ba Bàn Quỷ còn gọi là sông Xá Hương, đoạn giáp với sông Soài Rạp gọi là Vàm Bao Ngược. Trong đó Bàn Quỷ và Xá Hương gắn với giai thoại lịch sử và di tích Miếu Bàn Quỷ là nơi thờ Mai Công Hương (Xá Hương). Theo *Gia Định thành thông chí*, ông giữ chức Xá sai ty ở dinh Phiên trấn, phụ trách vận chuyển quân lương. Năm 1705, vua Cao Miên là Nặc Ông Yêm bị em là Nặc Ông Thâm cầu viện quân Xiêm về để cướp ngôi. Nặc Ông Yêm cầu cứu chúa Nguyễn. Cai cơ Nguyễn Cửu Vân thống lĩnh quân thủy bộ chặn đánh quân Xiêm tại Rạch Gầm (Mỹ Tho). Mai Công Hương được giao nhiệm vụ vận chuyển quân lương đi sau. Khi đến ngã ba này, bị kỵ binh Cao Miên chặn đánh ngay mạn sườn, đội quân chuyển vận vì quá ít nên bị thua. Xá Hương đục thuyền làm chìm lương thực rồi nhảy xuống sông tự vẫn, quân Cao Miên không cướp được gì cả. Sau khi thắng trận, chúa Nguyễn phong Xá Hương làm *Vị quốc tử nghia thần quan*, cho lập miếu thờ tại đây, rất linh ứng. Tương truyền các cây bần ở trước miếu thờ này đều cúi rạp như dáng người đang quỳ gối nên gọi là Bàn Quỷ.

Liên quan đến địa danh Nhu Gia chúng tôi đã dẫn trên hay như vùng đất Bãi Xàu, sông Bãi Xàu cũng vậy. Có giai thoại kể rằng: Xưa, Bãi Xàu là rừng mây. Hàng năm, dân chúng quanh vùng vào đây chặt mây về bán. Một hôm vào mùa khô, có một số người chặt mây nghỉ tay để nấu cơm trưa ăn. Vô tình họ đã nhúm lửa (dùng ba hòn đất để làm bếp) trên

lưng một con cá sấu bị mắc cạn lâu ngày, bunn dính một lớp dày trên lưng khô cứng trông giống như một mô đất. Đến lúc cơm vừa sôi, sấu bị nóng lưng, quậy mạnh làm đổ nồi cơm khiến mọi người hoảng hốt bỏ chạy. Do đó, sau này những người chặt cây vào đây thường gọi chỗ này là "*Baixa*" tức là "cơm sôi", rồi dần thành quen và đọc trại thành Bãi Xầu.

Có giai thoại lại kể: Ngày trước tại ngôi cổ miếu Neak ta Bassac có cây bồ đề cổ thụ. Bóng của cây che mát cả một vùng rộng lớn và phía dưới gốc cây là nơi trú ẩn của một cặp rắn thần. Những cư dân đầu tiên trên đường lưu lạc khám phá vùng đất mới, họ tạm thời dùng chân nghỉ qua đêm bên gốc bồ đề. Họ bắt gặp bên trong của hốc cây có ổ trứng khá hơn, họ nấu cơm và bỏ trứng vào luộc để làm thức ăn. Trong lúc cơm đang sôi thì cặp rắn thần đi tìm mồi trở về, thấy có người xâm nhập lãnh địa và lấy cắp trứng nên chúng giận dữ rượt đuổi đám người kia chạy trốn chết. Mãi đến khi trời yên, gió lặng, họ đoán chừng cặp rắn kia có thể đã bỏ đi nên mọi người len lén quay trở lại thì thấy trứng rắn không còn và cơm trong nồi lại nửa chín, nửa sôi. Để đánh dấu tai nạn đầu tiên trên vùng đất mới họ gọi nơi đây là Srok Bãi Xầu (xứ cơm sôi), dần dần nói trại thành Bãi Xầu.

Một dị bản khác nữa cho rằng: vùng đất vốn là nơi cứ địa của nhóm người nổi dậy thường xuyên chống phá lại triều đình. Trong một lần chiến đấu chống trả cuộc hành quân tảo thanh của quan triều đình, nhóm nổi loạn bị thất bại và rút lui đến nơi đây thì trời tối, họ tổ chức nấu cơm và nghỉ ngơi cho lại sức. Nhưng cơm vừa sôi thì có tin báo có quan quân triều đình đang kéo đến rầm rộ, họ đành phải nhai tạm số cơm trong nồi còn chưa kịp chín để có sức chạy trốn hầu thoát khỏi sự truy lùng gắt gao của quan quân⁽⁸⁾.

Và cuối cùng chúng tôi lược ghi câu chuyện mà dân gian tin rằng có liên quan đến chữ "bay xao". Chuyện kể về một ông vua giàu có lắm kẻ hầu người hạ. Trong số đó, nàng Chanh là người có tài nấu nướng khéo hơn cả, nên vua rất quý mến. Vì vậy, nàng Chanh bị tị hiềm rồi do hiểu lầm, vua oán ghét. Được tin dữ, nàng vội gom góp tư trang của mình trốn khỏi hoàng cung, ra mé sông quá giang một ghe buôn để chạy trốn. Nghe tin nàng Chanh bỏ trốn, đích thân nhà vua tập hợp binh sĩ, dùng thuyền cấp

bách đuổi theo để bắt cho được kẻ phạm tội khi quân. Ghe chở nàng Chanh theo dòng sông Hậu chạy trốn. Đến Đại Ngãi thì ghe rẽ vào một sông nhỏ đi về Sờ-mo (tức Bãi Xầu ngày nay). Họ dừng lại ở đây kiếm củi nấu cơm ăn. Khi cơm vừa sôi, thì họ nghe vọng lại tiếng chiêng trống, hò hét ầm ĩ cả một khúc sông. Biết lính nhà vua sắp tới, nàng Chanh sợ hãi, vội bỏ nồi cơm chưa kịp chín, lên ghe theo ngã sông Dù Tho chạy ra Vàm Tấn (bây giờ là sông Mỹ Thanh). Thế cùng nàng tự tử. Dân chúng với xác và chôn ở vùng Vĩnh Châu. Ngày nay di tích ngôi mộ vẫn còn.

Liên quan đến giai thoại giải thích thủy danh có những giai thoại xa thực tế, không phù hợp, chẳng hạn địa danh rạch Đầu Sấu ở Cần Thơ. Nhiều người cao tuổi ở hai bên rạch kể rằng: rạch Đầu Sấu xưa kia rất hoang vắng, dưới sông có nhiều cá sấu lớn thường hại người. Khoảng đầu thế kỷ XX có một người Chà chuyên săn bắt đã giúp dân làng phóng lao giết chết con sấu to bằng chiếc xuống năm lá, dài gần chục thước tây. Sau khi hạ sát được hung thần, bà con hai bên bờ xúm nhau chia thịt mang về ăn. Và cũng có người cho biết: Khoảng thập niên 40 của thế kỷ XX, ở đây nhiều người làm thịt sấu tại đầu Vàm. Sấu thịt được chở về từ Nam Vang và An Giang bằng xuống, ghe, buôn bán thịt loài thủy quái này rất xôm tụ⁽⁹⁾.

Thủy danh rạch Đầu Sấu, hoặc vàm Đầu Sấu, có thể bắt đầu từ hai giả thuyết ấy. Thế nhưng trong *Cần Thơ xưa và nay*, Huỳnh Minh kể câu chuyện khác gần với loại cổ tích dân gian. Đại khái ở Vàm sông Cần Thơ, có con sấu hung tợn lại mê hát bội. Năm đó, trong làng có một người lực điền yêu và làm đám cưới với một cô thôn nữ ở làng bên. Đám rước dâu có hàng chục xuống, ghe, đưa đón. Sấu đã nổi lên quật mắt cô dâu. Chú rể đau đớn, tìm cách trả thù cho vợ. Anh mượn gánh hát bội để dụ sấu vào rồi cùng trai tráng đóng cọc ngang vàm rạch. Khi con sấu quay ra sông Cái thì đã bị cọc chắn ngang. Từ trên bờ, hàng ngàn mũi lao bằng gỗ tằm vông già vạt nhọn, những mũi chĩa đinh ba nhắm ngay con sấu phóng tới. Chàng trai giành phần phanh đa, xả thịt con sấu. Cái đầu trôi đến là rạch Đầu Sấu, bộ da trôi đến là rạch Cái Da, bộ răng trôi đến nay là chợ Cái Răng. Sau đó chàng trai ra đi biệt xứ.

Xem ra, câu chuyện hư cấu và không chỉ có ở ngay Vàm Đầu Sấu này, nên dùng nó để lý giải thủy danh nơi đây, lại còn "hài hước" kèm thêm các tên gọi Cái Răng, Cái Da, một cách khó chấp nhận.

Tương tự địa danh Cần Thơ và con sông Cần Thơ hiện hòa vắt ngang được nhà nghiên cứu Huỳnh Minh giải thích như sau: Ngày xưa, khi chưa lên ngôi vua, Chúa Nguyễn Ánh vào Nam và đã đi qua nhiều vùng châu thổ sông Cửu Long. Một hôm, đoàn thuyền của Chúa đi theo sông Hậu vào địa phận thủ sở Trấn Giang (Cần Thơ xưa). Đêm vừa xuống, thì đoàn thuyền cũng vừa đến Vàm sông Cần Thơ (bến Ninh Kiều ngày nay). Đoàn thuyền đang lênh đênh trên mặt nước ở ngã ba sông này, Chúa nhìn vào phía trong thấy nhiều thuyền bè đậu dài theo hai bờ sông, đèn đóm chiếu sáng lấp loè. Giữa đêm trường canh vắng, vọng lại nhiều tiếng ngâm thơ, hò hát, tiếng đàn, tiếng sáo hoà nhau nhịp nhàng. Chúa thầm khen về một cảnh quan sông nước hữu tình. Chúa mới có cảm nghĩ ban cho con sông này một cái tên đầy thơ mộng là *Cầm thi* giang tức là con sông của thi ca đàn hát. Dân dân hai tiếng *Cầm thi* được lan rộng trong dân chúng và nhiều người nói trại ra là Cần Thơ. Tên Cần Thơ nghe thấy hay và đẹp nên được người trong vùng chấp nhận và cùng gọi là sông Cần Thơ.

Một chuyện khác lại truyền rằng: Sông Cần Thơ ngày xưa ở hai bên bờ, dân chúng trồng rất nhiều rau cần và rau thơm. Ghe thuyền chở nhiều loại rau cần, rau thơm qua lại rao bán đông vui từ năm này qua năm khác. Cũng có thể từ đó mà người địa phương lại gọi sông này là sông Cần Thơm, nói trại là Cần Thơ⁽¹⁰⁾.

Xem ra cả hai giai thoại trên chưa chắc chắn. Tìm đến cách lý giải của nhà nghiên cứu Sơn Nam hay sau này Lê Trung Hoa cũng cùng quan điểm, cho rằng: cái tên "Cần Thơ" xuất hiện đầu tiên dùng để chỉ con rạch có nhiều cá "Kìn Tho", loại cá sặc rằn có nhiều ở vùng này, được dùng làm khô tới nay vẫn còn nhiều người ưa chuộng. Người Lục Tỉnh có thói quen gọi tên sông rạch bằng loại thực sinh vật có nhiều dưới sông. Như rạch Bần, rạch Gốc, rạch Bùn, rạch Cát, rạch Cá Tra, rạch Cá Sấu, rạch Cá Chốt, rạch Cá Trê. Và con rạch có nhiều cá "kìn tho" được gọi là rạch "Kìn Tho". "Kìn Tho" là tiếng Khmer được người địa phương đọc trại thành Cần Thơ.

Và còn một hiện tượng nữa không phải là dị bản cũng không phải là bản sai mà do sự kỵ húy mà có. Rạch Sa Nhiên ở Sa Đéc, Đồng Tháp, được nhiều người địa phương cho là nó có âm là *Sa Nhơn*. Giai thoại kể rằng thuở chúa Nguyễn Ánh bôn tẩu tránh Tây Sơn đến đây, có người tên Nguyễn Văn Nhơn, tục danh là quan lớn Sen, vì ông giỏi nấu chè hạt sen dâng vua. Vì kiêng húy, Nhơn nói chệch thành Nhiên. Lê Trung Hoa nghi Sa là biến âm của Sen.

Sự giao thoa trong ngôn ngữ Việt - Hoa - Khmer

Ở góc độ giao thoa văn hóa, ngôn ngữ của các dân tộc sống cộng cư Việt - Hoa - Khmer tác động qua lại là một quy luật tất yếu. Chúng tôi xem đây là một trong những nguyên nhân liên quan đến tên gọi các thủy danh - một đặc trưng của giai thoại dân gian. Do khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ dẫn một ví dụ để phân tích minh họa:

Kỳ Hôn có tên gọi khác là *Trà Hôn*, *Cà Hôn*, bắt nguồn từ sông Tiền tại nơi giáp ranh giữa thành phố Mỹ Tho và huyện Chợ Gạo. Giai thoại địa danh này cũng liên quan đến Nguyễn Ánh thời ly loạn. Khi đoàn tùy tùng hộ giá chúa vượt qua vàm rạch này, người ta thấy một đàn rái cá chạy qua, kẻ Tây Sơn đuổi đến thì dấu vết bị xóa hết. Quân Tây Sơn đành phải quay lại. Sự việc diễn ra nhanh chóng và kỳ lạ như thế được dân gian kể lại và gọi vùng đất này là Kỳ Hôn (*Kỳ lạ không?*). Sau khi phục quốc, chúa Nguyễn phong cho rái cá là *Lạng Lại đại tướng quân* nhằm nhớ công ơn của loài vật đã cứu mình ngày trước.

Thực ra Kỳ Hôn có từ tiếng Khmer *Prêk Oknà Han*, theo đó thì *Prêk*: vàm; *oknà*: quan lớn; *Han*: tên người. Vậy, *Prêk Oknà Han* là vàm rạch của vị quan tên Han⁽¹¹⁾ được biến âm thành Vàm Kỳ Hôn khi chuyển sang Việt ngữ.

Những giai thoại liên quan đến thủy danh và nét văn hóa của người bình dân

Tính hoang sơ thời khẩn hoang mở làng lập xóm và tâm linh dân gian

Nét hoang sơ ở vùng đất mới có lẽ bắt đầu là những giai thoại liên quan đến yếu tố tâm linh. Ở Tiền Giang có thủy danh Vàm Đồi Ma với giai thoại giải thích về nó chứa đựng nhiều điều ảo diệu.

Câu chuyện mà người dân hay kể lại nhất, là câu chuyện tình yêu đầy ngang trái của một đôi trai gái họ Phạm và họ Nguyễn. Biến cố xảy ra sau khi mẹ mất, Nguyễn Nghi phần do đau buồn quá, phần do lo học thi quá sức nên mắc bệnh nan y. Nhà họ Phạm lo thuốc thang chạy chữa mãi nhưng bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Khi Nguyễn Nghi mất, cô gái họ Phạm nhớ người yêu mà sinh bệnh thất tình, cha mẹ khuyên nhủ thế nào cũng không được. Mắc tâm bệnh một thời gian, cô gái cũng theo người yêu mà đi. Trước khi chết, Thị Nữ trăng trối muốn được chôn cạnh mộ Nguyễn Nghi. Cha mẹ làm theo lời cô, chôn cất đôi trẻ ở cạnh nhau. Kể từ đó, vào ban đêm, thỉnh thoảng lại có người kể rằng bắt gặp đôi uyên ương thơ thẩn cùng nhau bên bờ rạch. Tiếng đồn bay khắp một vùng nên mọi người gọi tên đoạn kênh đó là vàm Đồi Ma.

Câu chuyện này còn một dị bản in trong *Nam Kỳ lục tỉnh dư địa chí* của Duy Minh Thị⁽¹²⁾. Và ở tài liệu đó còn cho biết thêm chỉ đến khi quân Tây Sơn đánh chiếm cứ khu vực này, yêu quái mới hết hẳn.

Ngoài ra, nhiều chi tiết trong các giai thoại liên quan đến thủy danh đã dựng lại không khí hoang vắng ngày cha ông đến đây mở cõi.

Dòng chảy dữ dội, đáy sông sâu với nhiều hang hốc nên Vàm Nao đã kéo theo các loài cá đặc thù nặng hàng trăm ký trên sông Mê Kông về trú ẩn, như cá hô, cá tra dầu, cá vồ cờ, cá nước. Ngoài ra, ở đây còn có các loài cá đặc dị như cá đao, cá mập, cá sấu. Dòng Vàm Nao luôn bí hiểm do người đời còn tin rằng có con cá sấu năm chèo tu luyện lâu năm còn nằm ẩn mình dưới đáy sông này⁽¹³⁾.

Qua những giai thoại dân gian, chúng ta cũng có thể nhận ra cuộc sống lao động với nghề trồng lúa nước của người miền Tây xưa. Câu chuyện về ông Hóng và tên gọi Ngã Ba Ông Hóng phản ánh sinh động khung cảnh lao động, sản xuất ngày trước:

Ông Hóng tên thật là Phan Văn Nghêu, người gốc miền Trung, vào Nam khẩn hoang rồi trở nên giàu có thành cự phú trong vùng. Theo những câu chuyện truyền đời ở vùng đất này, ông Nghêu khởi đầu là một người canh điền làm thuê cho một điền chủ trong vùng. Tính tình chất phác, làm lụng siêng năng, để

dành được chút ít tiền nên ông được chủ điền cho một miếng đất nhỏ để cất nhà và cho thuê ruộng. Do sự siêng năng và nhờ Trời cho mưa thuận gió hòa, năm nào ông Nghêu cũng trúng mùa. Bao nhiêu điền đất của vị điền chủ kia và nhiều điền đất khác trong vùng lần lượt về tay ông. Khi Nguyễn Ánh đóng quân ở Phủ lý Tân An, cho người đến ngõ lời giúp cho "bữa cháo", ông Nghêu đã đốc suất dân đào kênh, cho đoàn ghe lườn hàng chục chiếc chở lương cho chúa Nguyễn suốt 3 tháng trời. Con kênh mang tên ông dần dà được người dân đến ở và nuôi vịt thả cho ăn ốc, ăn tép trên dòng rạch đó. Câu ca dao: *Ba phen quạ nói với diều/ Ngã ba Ông Hóng có nhiều vịt con* ra đời cùng với thủy danh Rạch Ông Hóng.

Tính nghĩa khí, khẳng khái, tính giáo huấn răn đời

Tính cương trực, khẳng khái nghĩa khí của những nhân vật là điểm nổi bật thường thấy qua các giai thoại dân gian, như giai thoại về người có công khai phá vùng đất phương Nam, như Chưởng cơ Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh mà dân gian quen gọi Ông Chưởng, hay những vị anh hùng trung liệt như Đốc binh Vàng, Tham tướng Mạc Tử Sanh, minh chứng thêm công trạng của tiền nhân mở cõi. Chúng ta cũng không quên câu chuyện người con gái Khmer tên Thị Cừ đã đánh trừ cọp dữ. Khi sa cơ, Thị Cừ hy sinh. Giai thoại truyền rằng, từ đó về sau linh hồn chị Cừ thành thần cai quản thú rừng ở khu vực này. Chiều chiều, người ta còn nghe tiếng chị kêu heo, gọi thú vang vang trên ngọn cây rừng. Nhân dân lập miếu thờ chị ngay vàm rạch và quen gọi là rạch Mồ Thị Cừ⁽¹⁴⁾.

Hay hình ảnh Bà Bảy trong giai thoại về thủy danh mang tên bà. Khi xưa, sông Cần Lố đổ nước vào sông Tiền tại vàm Dơi Me. Cách đây hơn 100 năm, trước khi đổ nước vào sông Tiền, sông Cần Lố đổ nước vào rạch Cái Sao (Đình Trung) ở vàm Bà Bảy (Thị Bảy). Giai thoại truyền rằng để đàn áp cuộc kháng chiến chống Pháp của nghĩa quân ở Đồng Tháp Mười, bước đầu bọn Pháp chiếm đồn Dơi, thiết lập Trường An Cần Lố (sau là Dơi Me). Chúng kiểm soát và khống chế sự đi lại của nghĩa quân và dân chúng từ Đồng Tháp Mười ra vùng Cao Lãnh. Từ Đồng Tháp Mười ra vùng Cao Lãnh phải đi ngang qua vàm Cần Lố. Nghĩa

quân và dân chúng trong vùng phải mở một con đường mới. Sông Cần Lô - chỗ vàm Bà Bảy bây giờ - chỉ cách rạch Cái Sao bằng mấy cái mương cau của Bà Bảy. Giặc Pháp phát hiện ra đường sông mới này, chúng liền mang quân tới phục kích. Không bắt được nghĩa quân, chúng bèn bắt Bà Bảy tra khảo đánh đập tàn nhẫn rồi thay phiên nhau hãm hiếp bà cho đến chết. Để ghi nhớ câu chuyện thương tâm về tấm lòng trung kiên của người phụ nữ Đồng Tháp Mười đối với nghĩa quân, dân chúng đã lấy tên Bà Bảy đặt cho ngã ba sông nói trên⁽¹⁵⁾.

Qua những giai thoại dân gian, chúng ta cũng thấy được người bình dân gửi gắm vào đó những bài học, đạo lý ở đời. Giai thoại về kinh Chết Chém cảnh báo con người về lòng chung thủy và sự phản bội. Hình ảnh cô vợ hồ hay nhưng lại dối đáp những lời đường mật với người đàn ông khác để rồi phải trả giá bằng chính mạng sống của mình. Những câu chuyện nhẹ nhàng nhưng sâu sắc tính giáo huấn răn đời vẫn lưu truyền mãi trong dân gian, nhắc nhở hậu thế cách ăn nết ở, đạo làm người. Nhìn góc độ văn hóa, các giai thoại dân gian liên quan đến thủy danh góp một phần không nhỏ trong việc lưu giữ đạo lý truyền thống.

Giai thoại về Rạch Trâu Trắng, con rạch đổ nước vào sông Tiền thuộc địa phận xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh liên quan đến người nông dân, tên là Năm Hưng. Với tính tình chất phác, gia cảnh nghèo khó, nhưng rất giàu lòng nhân từ bác ái, thường hay giúp người lỡ đường trái bước, kẻ tật nguyên cuối cùng bác lại được thần nhân giúp cho sợi lông trâu trắng. Chẳng bao lâu, bác Năm Hưng trở nên giàu có, con cái khôn ngoan lễ phép. Gia đình bác thường cứu mang giúp đỡ kẻ nghèo khổ, tật nguyên⁽¹⁶⁾.

Tính thiết thực và trí tuệ thông minh của tiền nhân khi chinh phục thú dữ

Ở tính thiết thực, chúng ta thấy ngay trong lời lời ăn tiếng nói của người bình dân qua các tên gọi các thủy danh và tất nhiên liên quan đến nó là nhan đề các giai thoại. Ở đây luôn có sự biến động không cố định. Chẳng hạn Vàm rạch Bà Bảy cũng được nói tắt đi là Vàm Bà Bảy; Kinh Cái Răng thì chỉ cần nói Cái Răng, sông Ông Đốc gọi là sông Đốc. Hiện tượng giản lược này tạo nên sự đa dạng về tên

gọi cũng như làm cho các giai thoại luôn dao động với biên độ lớn.

Với sự thông minh vốn có, người bình dân đã sáng chế ra chiếc mồi để đuổi cộp rồi dần dà hình thành địa danh Mỏ Cày nơi có con sông cùng tên chảy ngang qua. Giai thoại kể rằng, khi xưa vùng đất cù lao xứ Bến Tre, chúa sơn lâm thường vào làng bắt heo, bắt gà, đôi khi cả người nữa. Một hôm có chàng trai đi cày, mang theo cái mồi. Buổi chiều khi cày xong, anh thả trâu cho ăn cỏ rồi dùng mồi đánh để gọi trâu về, không ngờ trong rừng cạnh đó có con cộp đang rình chờ bắt anh. Nghe tiếng mồi, cộp cong đuôi chạy vô rừng, những con cộp khác cũng co cẳng chạy luôn. Những người đi chặt củi, thấy cộp chạy tán loạn, bèn nấp kín xem có chuyện gì xảy ra. Lát sau họ hiểu ra rằng, cộp sợ tiếng mồi. Về làng, những người dân đi chặt củi kể lại chuyện này cho bà con nghe và bày cho nhau khi ra rẫy đem theo mồi để đuổi cộp.

Tính tương thân, tương ái

Sống trong môi trường sông nước, việc tương trợ, nương tựa vào nhau để cùng vượt qua thử thách như một quy luật. Và từ đó, hình thành nên nhân cách của chủ nhân văn hóa vùng sông nước. Những giai thoại liên quan đến thủy danh cũng phản ánh tính cách đó của người bình dân.

Sông Cao Lãnh chảy qua vùng đất cùng tên, nay là thành phố Cao Lãnh trung tâm của vùng đất bùng biên Đồng Tháp. Liên quan đến địa danh - thủy danh này, dân gian có câu chuyện truyền miệng đến ngày nay: chuyện hai Ông Bà Đỗ Công Tường (ông còn có tên là Lãnh) đứng ra nhận bệnh chết thay cho dân trong vùng. Để tưởng nhớ đến sự hy sinh cao quý của Ông Bà, quý vị hương chức, thân hào, nhân sĩ và dân chúng cùng nhau lập miếu phụng thờ. Ngôi chợ Vườn Quít, được dân chúng ghép tục danh với chức Câu Đương của Ông thành tên là chợ Câu Lãnh. Sau này gọi trại ra thành Cao Lãnh, sông chảy ngang vùng đất này mang luôn tên gọi đó.

Từ vàm Trà Ôn đi về hạ lưu sông Hậu khoảng 3 km thì gặp rạch Bang Chang, thuộc địa phận xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn. Rạch này hình thành tự nhiên từ lâu đời. Cuối thế kỷ XIX, ông Trương Văn Chiêng (người Hoa) vào

lập nghiệp ở vùng này. Ông là một bang trưởng chuyên đi đồn cây rừng làm củi để cung cấp cho người anh em kết nghĩa là Từ Di, chủ tiệm rượu Quảng Đức An ở chợ Trà Ôn. Hồi ấy ở Đồng Đế cũng thuộc Thiện Mỹ, có nhiều cây mọc hoang. Ông cùng một số anh em đồn củi chở về đường rạch. Đường khó đi, ông bỏ công dọn rộng hai bên mé, đào sửa những cua gât để dễ dàng chở củi. Lâu dần rạch thông thương, bà con chở lúa làm được từ các cánh đồng về nhà, không phải khiêng vác nặng nhọc. Nhờ công lao khai hoang, sửa sang con rạch của ông, bà con gọi tên rạch là rạch Bang Chang (gọi trại tên ông).

Những con người đầy lòng nhân đã được người đời nhớ ơn, tên họ đã hòa vào tên sông, tên rạch. Những dòng nước ngày đêm tuôn chảy, đem nhân nghĩa và công đức của họ truyền mãi cùng hậu thế.

4. Kết luận

Từ những công việc đã khảo sát, bước đầu chúng tôi đưa ra một số nhận xét sau:

Con người dựa vào thiên nhiên để tồn tại. Sông rạch gắn bó với cuộc sống con người. Trong quan hệ hữu quan đó, mối liên kết giữa con người với thiên nhiên thể hiện đậm nét qua những câu chuyện, những giai thoại.

Sông, rạch cũng như con người, nó phải được gọi tên để phân biệt. Và độc đáo hơn khi tên gọi đó gắn liền với những giai thoại với chức năng giải thích theo quan niệm dân gian.

Từ những mẩu chuyện ngắn gọn phát triển thành những truyện kể có tình tiết, có nhân vật - mà những nhân vật này thường là nguyên mẫu ngoài đời được hư cấu rồi đưa vào để câu chuyện thêm hấp dẫn. Về mặt thể loại, lý luận nghiên cứu văn học dân gian nên xác định và khẳng định vị trí của giai thoại nói chung và lớp giai thoại giải thích địa danh, thủy danh nói riêng.

Dưới góc nhìn văn hóa dân gian, qua những giai thoại về địa danh tất nhiên là đã làm phong phú cho kho tàng ngôn ngữ dân gian, nhất là những phương ngữ mà không phải ngày một hai có thể tường tận một cách thấu đáo.

Soi chiếu vào những giai thoại đó, chúng ta có thể thấy rõ hình bóng và nhân cách, cùng những bài học quý giá về đạo lý làm người về

tài ứng phó để thích nghi với môi trường mà tiền nhân để lại.

Chú thích

- (1) Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi đồng chủ biên (2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- (2) Kiều Thu Hoạch (2002), "Xác định thể loại giai thoại", Tạp chí *Nguồn sáng dân gian*, số 2.
- (3) Vương Hồng Sển (1993), *Tự vị tiếng nói miền Nam*, Nxb. Văn hóa.
- (4) Vương Hồng Sển (1993), sdd. Cà ràng hình thù như con số 8 để nằm, một đầu là ba ông Táo lúc đầu lên cao để đội nổi ơ siêu trạch, còn một đầu kia nấn cái bụng chang bang dài dài vừa vặn với cây củi chụm, bụng này chứa được tro nhiều không rơi rớt ra ngoài, lại ấm cúng che kín gió, mau chín mau sôi.
- (5) Xin được nói thêm, đây là mẩu chuyện dân gian, chứ sách sử không hẳn đúng như vậy, xin xem thêm *Mạc Thị gia phả* và các tài liệu của học giả Trương Minh Đạt về dòng họ Mạc ở Hà Tiên.
- (6) Theo tài liệu còn giữ tại đình Vĩnh Phong (Bình Phong Thanh, chợ Thủ Thừa) và lời kể của thầy Tâm Trần ngụ tại chợ Thủ Thừa, 1970.
- (7) Nguyễn Trung Vinh, Huỳnh Thương, Nguyễn Lương Bằng chủ biên (2002), *Địa chí Cần Thơ*, Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ xb, tr. 412.
- (8) Theo Vương Hồng Sển (2013), *Hậu Giang, Ba Thắc*, Nxb. Trẻ.
- (9) Ghi lại theo lời cụ Trần Văn Tốt, 88 tuổi, gia đình đã nhiều đời sống bằng nghề đày tại vàm Đâu Sầu. Câu chuyện này cụ đã nghe ông nội là Trần Văn Lang, qua đời năm 1942 và cha ông là Trần Văn Mùi, qua đời năm 1965 kể lại.
- (10) Huỳnh Minh, *Cần Thơ xưa và nay*, xuất bản lần đầu năm 1966.
- (11) Lê Trung Hoa (2011), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 144.
- (12) Duy Minh Thị, *Nam Kỳ lục tỉnh dư địa chí*, Thánh Mẫu in năm 1944. Tác giả Duy Minh Thị tên thật là Trần Quang Quang viên chức hành chánh thời Pháp mới chiếm Nam Kỳ, nguyên quán huyện Duy Minh (tên cũ của phủ Hoằng An, tỉnh Vĩnh Long, nay thuộc huyện Mỏ Cày tỉnh Bến Tre), không rõ năm sinh, năm mất.
- (13) Giai thoại về Ông Năm Chèo và thủy danh Vàm Nao.
- (14) Lược ghi theo lời kể của các ông Trần Tấn Hưng (sinh năm 1937), Hội trưởng Ban miếu thờ Thị Cự; ông Lâm Hữu Trí và Nguyễn Văn Quý (hội phó miếu) xã Vĩnh Phước B huyện Gò Quao, Kiên Giang.
- (15) Theo lời kể của ông Sáu Hộ, 72 tuổi, ngụ ở đầu Cần Lố.
- (16) Theo Nguyễn Hữu Hiếu (1997), *Nam kỳ cổ sự*, Nxb. Tổng hợp Đồng Tháp.

ThS. TRẦN MINH THƯƠNG
Trưởng THPT Mai Thanh Thế, Sóc Trăng